

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 19/11/2020
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Bá Thành

2. Bà Trần Thị Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **113/2020/TLST-HNGĐ**, ngày 11 tháng 6 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020,

* Nguyên đơn: Bà **Thái Thu TH**; địa chỉ: Số nhà 93, tổ dân phố 13, phường T, thành phố Đ, tỉnh B- vắng mặt;

* Bị đơn: Ông **Hoàng Văn L**; địa chỉ: Tổ dân phố 14, phường M, thành phố Đ, tỉnh B; (*Hiện đang chấp hành án tại đội 2, trại giam Suối Hai, Cục C10, Bộ Công an, xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội*) - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thái Thu TH trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Thái Thu TH và ông Hoàng Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Đ, tỉnh B vào ngày 10/10/2016. Hai vợ chồng về chung sống với nhau được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng từ đó vợ chồng sống

với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Năm 2018 ông L phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 4 năm tù. Nay bà TH xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà TH yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết cho bà TH được ly hôn với ông Hoàng Văn L để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Bà TH và ông L có 01 con chung là Hoàng A - sinh ngày 25/11/2013. Khi ly hôn bà TH có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng A. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết

Bà TH có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có thay đổi bổ sung gì khác.

2. Tại bản tự khai ngày 14/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hoàng Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Ông Hoàng Văn L kết hôn với bà Thái Thu TH vào ngày 10/10/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh B. Hai người kết hôn trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau, hai vợ chồng về chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng, từ đó vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện tại tình cảm giữa hai người không còn, nay bà TH có đơn xin ly hôn, ông L hoàn toàn nhất trí ly hôn với bà TH.

Về con chung: Ông L và bà TH có 01 con chung là cháu Hoàng A - sinh ngày 25/11/2013. Khi ly hôn bà TH có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng A. Ông L nhất trí giao con chung cho bà TH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay ông L đang chấp hành án không có điều kiện nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho cháu Hoàng A. Sau khi ông L chấp hành án xong ông L sẽ xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn bằng một vụ án khác.

Về Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết

Hiện ông L đang chấp hành án tại Đội 2, trại giam Suối Hai, Cục C10, Bộ Công an, xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội nên không thể có mặt tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ để giải quyết vụ án, ông L đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm như bản tự khai đã có trong hồ sơ vụ án, không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thu TH về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Về hôn nhân: Bà Thái Thu TH được ly hôn với ông Hoàng Văn L

Về con chung: Giao cháu Hoàng A - sinh ngày 25/11/2013 cho bà Thái Thu TH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của bà TH không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Thái Thu TH có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Hoàng Văn L có địa chỉ cư trú tại phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1 *Về hôn nhân:* Bà Thái Thu TH kết hôn với ông Hoàng Văn L trên cơ sở tự nguyện, yêu thương nhau không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh B nên xác định là quan hệ hôn nhân giữa bà Thái Thu TH và ông Hoàng Văn L là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng từ đó vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Bà TH yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L để giải phóng cho cả hai bên. Về phía ông L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông L cũng đồng ý ly hôn.

Do ông L đang chấp hành án tại Trại giam Suối Hai, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội nên Tòa án thành phố Điện Biên Phủ không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà TH và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của bà TH là phù hợp với Điều 56 Luật HNGĐ năm 2015.

2.2 Về con chung: Bà TH và ông L đều khai và công nhận bà TH và ông L có một con chung là cháu Hoàng A - sinh ngày 25/11/2013. Khi ly hôn bà TH có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng A. Ông L nhất trí giao cho bà TH trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hoàng A và không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện ông L đang chấp hành án nên không có điều kiện nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con. Do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của bà TH là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Thái Thu TH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về pháp luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Tuyên xử:

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thu TH về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

2.2 Về hôn nhân: Bà Thái Thu TH được ly hôn với ông Hoàng Văn L

2.3 Về con chung: Giao cháu Hoàng A - sinh ngày 25/11/2013 cho bà Thái Thu TH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của bà TH không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu

cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.4 Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Thái Thu TH phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2020/0000125 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà TH đã nộp đủ án phí DSST.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- UBND phường Tân Thanh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Tám

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại phòng nghị án Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Bá Thành

2. Bà Trần Thị Mai

Tiến hành nghị án án dân sự thụ lý số 113/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Thái Thu TH**; địa chỉ: Số nhà 93, tổ dân phố 13, phường T, thành phố Đ, tỉnh B- vắng mặt.

* Bị đơn: Ông **Hoàng Văn L**; địa chỉ: Tổ dân phố 14, phường M, thành phố Đ, tỉnh B; (*Hiện đang chấp hành án tại đội 2, trại giam Suối Hai, Cục C10, Bộ Công an, xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội*) - vắng mặt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG THẢO LUẬN BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về pháp luật áp dụng:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Áp dụng khoản 4 điều 147 bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100%

2. Tuyên xử:

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thu TH về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

2.2 *Về hôn nhân*: Bà Thái Thu TH được ly hôn với ông Hoàng Văn L

2.3 *Về con chung*: Giao cháu Hoàng A - sinh ngày 25/11/2013 cho bà Thái Thu TH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của bà TH không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.4 *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đề cập giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100%

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Thái Thu TH phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2020/0000125 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà TH đã nộp đủ án phí DSST.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100%

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100%

Biên bản kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Tám

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- UBND phường Tân Thanh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

